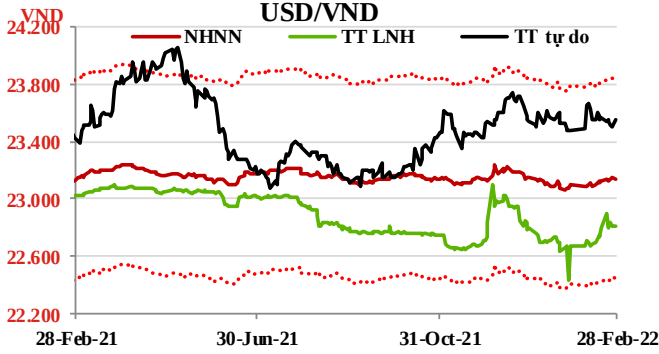




Lãi suất LNH

Trái phiếu

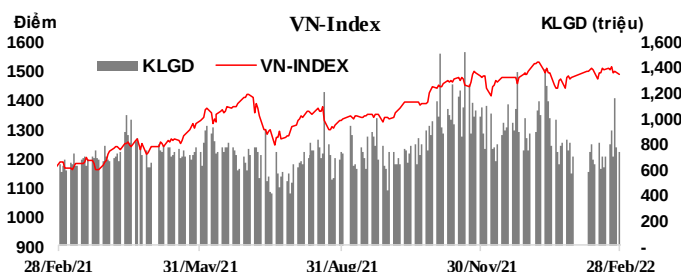
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.50	-0.04	0.15	0.00	3Y	1.37	0.108
1W	2.59	-0.07	0.20	0.00	5Y	1.44	0.160
2W	2.57	-0.07	0.25	0.00	7Y	1.64	0.065
1M	2.46	0.00	0.31	-0.01	10Y	2.24	0.022
2M	2.50	0.03	0.38	-0.03	15Y	2.57	0.034
3M	2.51	0.01	0.50	-0.01			
6M	2.69	-0.04	0.72	-0.05			
9M	2.77	-0.08	1.02	-0.12			
1Y	2.96	-0.10	1.12	-0.09			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

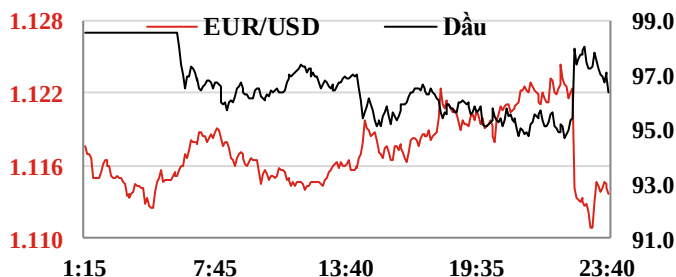
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
28-02-22	1	14	2.50	10,000	-	520.00	-	2,796.00
25-02-22	1	14	2.50	10,000	541.00	310.35	230.65	3,316.00
24-02-22	1	14	2.50	10,000	-	154.53	-	3,085.35

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1490.13	440.42	112.20
%/ngày	-0.58%	0.06%	-0.41%
%/31/12/2021	-0.54%	-7.1%	-0.4%
KLGD (tr.đ.v)	729.79	98.75	67.1
GTGD (tỷ đ)	23580.50	2775.22	1488.07
NĐTNN mua (tỷ đ)	1189.59	8.63	0.92
NĐTNN bán (tỷ đ)	1986.97	28.29	0.29

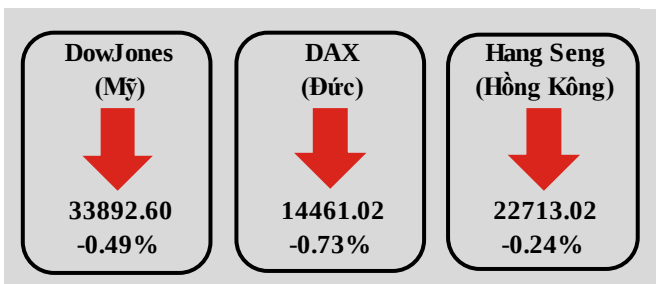


Tin trong nước ngày 28/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 28/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.140 VND/USD, giảm 06 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.795 VND/USD, giảm mạnh 35 đồng so với phiên 25/02. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 50 đồng ở chiều mua vào và 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.430 VND/USD và 23.530 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 28/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,04 – 0,07 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 2,50; 1W 2,59%; 2W 2,57 và 1M 2,46%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,20%; 2W 0,25%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 3Y 1,37%; 5Y 1,44%; 7Y 1,64%; 10Y 2,24%; 15Y 2,57%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, có 520 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 520 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh này giảm xuống còn 2.796 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, áp lực bán chiếm ưu thế trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, gây áp lực lên thị trường. Kết phiên, VN-Index giảm 8,76 điểm (-0,58%) xuống 1.490,13 điểm; HNX-Index vẫn giữ được sắc xanh với mức tăng nhẹ 0,26 điểm (+0,06%) lên 440,42 điểm; UpCOM-Index giảm 0,46 điểm (-0,41%) xuống 112,20 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình với tổng giá trị giao dịch đạt trên 27.800 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng mạnh hơn 816 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 02/2022 tăng 1% so với tháng trước; tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,2% so với tháng 12/2021.** Lạm phát cơ bản tháng 02/2022 tăng 0,49% so với tháng trước, tăng 0,68% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 2 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 1,68% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 0,67%. Trong mức tăng 1% của CPI tháng 02/2022 so với tháng trước có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và 1 nhóm hàng có chỉ số giá giảm.



	28 Feb 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	96.71	0.10%	0.65%	0.77%
USD/CNY	6.31	-0.13%	-0.41%	-0.69%
USD/EUR	0.89	0.43%	0.81%	1.33%
USD/JPY	114.99	-0.49%	0.22%	-0.08%
USD/KRW	1200.12	0.21%	0.54%	1.02%
USD/SGD	1.35	0.11%	0.66%	0.42%
USD/TWD	28.00	0.11%	0.57%	1.02%
USD/THB	32.67	0.68%	1.21%	-1.69%
USD/VND Trung tâm	23140	-0.03%	0.03%	-0.02%
USD/VND LNH	22795	-0.09%	-0.46%	0.01%
USD/VND tự do	23430	-0.21%	-0.21%	-0.09%
Vàng	1907.90	1.08%	0.12%	4.35%
Dầu	95.72	4.51%	5.11%	27.27%



	LIBOR		SIBOR		SOFR	
Kỳ hạn	USD	TH	USD	TH	USD	TH
ON	0.0771	0.0000				
1M	0.2414	0.0109	0.4321	0.1293	0.0497	0.0007
3M	0.5043	-0.0187	0.5888	0.0118	0.0493	0.0000
6M	0.8047	-0.0240	0.6546	0.0118	0.0493	0.0000
1Y	1.2880	-0.0427				

Số liệu SIBOR ngày 25/02/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	15/03/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	10/03/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	17/03/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/03/2022

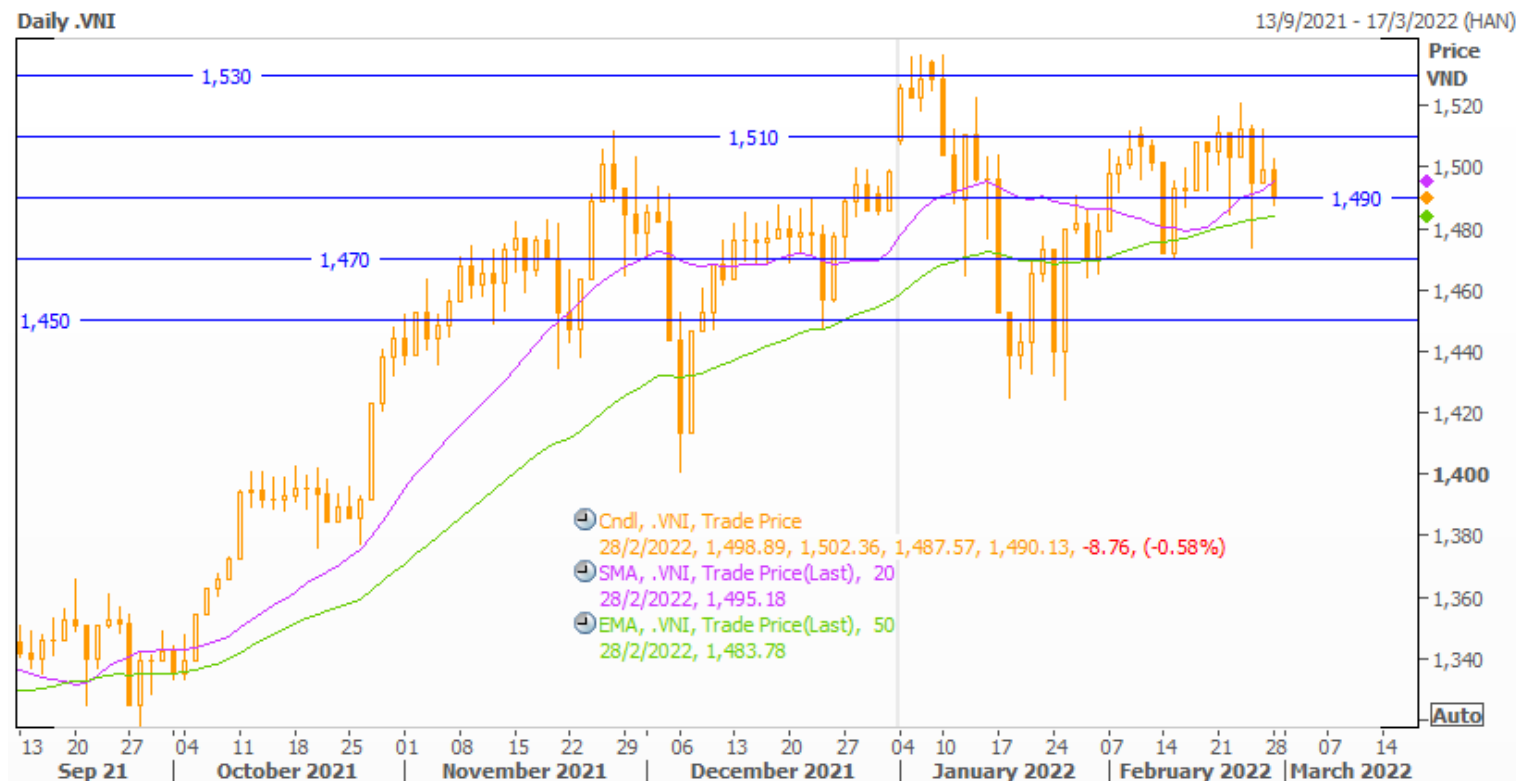
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Cán cân thương mại hàng hóa Mỹ thâm hụt ngày càng lớn.** Văn phòng Thống kê Mỹ cho biết cán cân thương mại hàng hóa của nước này thâm hụt 107,6 tỷ USD trong tháng 01/2022, sâu hơn khá nhiều so với mức thâm hụt 101 tỷ USD của tháng trước đó, đồng thời sâu hơn mức thâm hụt 99,6 tỷ theo dự báo. Đây cũng là mức thâm hụt kỷ lục mà nước này ghi nhận trong lịch sử. Con số thống kê cho thấy thâm hụt thương mại của nước này trong năm 2021 đã vượt qua mức 800 tỷ USD, tăng tới 20% so với năm 2020, đánh dấu năm tăng lên thứ 8 liên tiếp. Các chuyên gia dự báo mức thâm hụt của năm 2022 có thể tiếp tục tăng và vượt qua mức 1.000 tỷ USD.
- Doanh số bán lẻ tại nước Úc có tháng hồi phục nhẹ.** Văn phòng Thống kê Úc cho biết doanh số bán lẻ của nước này tăng 1,8% m/m trong tháng 01/2022 sau khi tăng 4,4% ở tháng trước đó, tích cực hơn mức tăng 0,3% theo dự báo. Theo nhận định của Bloomberg, mức chi tiêu của các hộ gia đình tại Úc phục hồi mạnh mẽ, bất chấp đợt bùng phát mới của dịch bệnh tại nước này. Đây là tín hiệu rất quan trọng khi giá trị tiêu dùng toàn xã hội chiếm khoảng 60% trong cơ cấu GDP của nước Úc, chứng minh quan điểm của NHTW Úc RBA rằng biến thể Omicron sẽ không làm chệch hướng sự phục hồi kinh tế của nước này. Trong ngày hôm nay 01/03, thị trường chờ đợi thông tin chi tiết về cuộc họp của RBA. LSCS của NHTW này được dự đoán sẽ vẫn duy trì ở mức thấp 0,1%.
- Nhật Bản ghi nhận một số thông tin kinh tế quan trọng.** Đầu tiên, doanh số bán lẻ của nước này tăng 1,6% y/y trong tháng 01/2022, cao hơn mức tăng 1,2% của tháng trước đó và đồng thời cao hơn mức tăng 1,5% theo dự báo. Tiếp theo, sản lượng công nghiệp Nhật Bản trong tháng đầu năm giảm 1,3% m/m; nối tiếp đà giảm 1,0% của tháng trước đó và sâu hơn mức giảm 0,6% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2020, sản lượng công nghiệp của tháng 1 giảm 0,9%. Cuối cùng, về lĩnh vực xây dựng, số nhà khởi công tại nước Nhật tăng 2,1% y/y trong tháng 01/2022, thấp hơn mức tăng 4,2% của tháng 12/2021 và gần khớp với dự báo của các chuyên gia với mức tăng 2,2%.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
28 - 02	7:00	*	Doanh số bán lẻ Nhật Bản y/y T1	1.6	1.5	1.2
28 - 02	7:30	*	Doanh số bán lẻ Úc m/m T1	1.8	0.3	-4.4
28 - 02	8:30	*	Cán cân thương mại Mỹ T1	-107.6B	-99.6B	-101.0B
01 - 03	10:30	***	LSCS NHTW Úc RBA		0.1	0.1
01 - 03	All day	*	CPI sơ bộ Đức m/m T2		0.8	0.4
01 - 03	22:00	***	PMI lĩnh vực sản xuất ISM Mỹ T2		58.0	57.6

VN-INDEX



VN-Index giảm xuống mức 1490,13 điểm. Chỉ số không còn nhận được hỗ trợ của đường SMA20, nhiều khả năng tiếp tục giảm trong phiên hôm nay.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.470 – 1.450

Ngưỡng kháng cự: 1.510 – 1.530

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn